

Bản án số: 192/2024/HC-PT

Ngày 19-3-2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc cưỡng chế thu hồi đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 05/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cưỡng chế thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 572/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đào Xuân N, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: số A, khu phố G, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn Đ – chức vụ: Chủ tịch. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số C F, đường số G, Khu phố A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Đào Xuân N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện nộp ngày 30/11/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung nộp ngày 24/4/2023 và tại bản tự khai đề ngày 26/9/2023, người khởi kiện ông Đào Xuân N trình bày:*

Ông N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết hủy Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng của gia đình ông N.

Lý do khởi kiện: toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của ông N có nguồn gốc do gia đình ông N khai hoang từ năm 1986 với diện tích khoảng 3.000m². Khu đất này là vành đai khu căn cứ của chế độ cũ, lúc đó đất còn kẽm gai, cọc sắt, cỏ mọc um tùm nên ông N đến khai hoang có xin giấy phép của UBND huyện Đ, tỉnh Sông Bé xây dựng nhà máy X1 lúa tại đây để phục vụ cho nhân dân ấp D, ấp E, ấp F xã P (có thuế môn bài năm 1986 và đơn xin phép kinh doanh, giấy phép kinh doanh). Năm 1995 khi nhân dân không còn phá rừng trồng lúa thì ông N chuyển qua nghề chế biến cà phê, được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cà phê ngày 16/8/2000, thuế môn bài năm 2001. Tháng 10/2001, UBND thị trấn P cấp giấy chứng nhận để xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Đến năm 1999 ông N chuyển qua nghề chế biến cà phê và mở quán cà phê từ tháng 01/2000 cho đến nay vẫn còn kinh doanh (có môn bài năm 2001 và hợp đồng cho thuê quán cà phê ngày 12/01/2004).

Năm 1986, khi vợ chồng ông N khai hoang khu đất này có làm một căn nhà để ở, một nhà máy xay xát lúa, một nhà kho, bếp và một nhà chế biến cà phê. Vợ chồng ông N có 4 người con đã trưởng thành và lập gia đình nhưng vẫn còn chung hộ khẩu với ông N, tổng cộng gia đình có 15 nhân khẩu. Ông N không còn lô đất nào khác nên đã chia cho mỗi người con một lô trên khu đất đã khai hoang.

Qua 38 năm gia đình ông N sinh sống, kinh doanh trên khu đất, xây dựng nhà ở ổn định, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật, hàng năm gia đình đều đóng thuế đất ở đô thị và các khoản công ích xã hội đầy đủ.

Theo ông N được biết năm 1982 sư đoàn 447 nhận bàn giao làm trường huấn luyện bên trong sân bay gần ấp D B, cách khu đất gia đình sinh sống khoảng 2km. năm 1991 bàn giao cho Trung đoàn B, kho K9, D60 quản lý, sử dụng nhưng lấy sân bay cũ ra 100m, khi đó có cắm mốc nội ô, đào mương, xây tường tại vị trí này. Hiện tại, các cột mốc và tường xây vẫn còn, tính từ cột mốc đến khu đất nhà ông N ở khoảng 200m, UBND huyện P xác định đất do vợ chồng ông N khai hoang năm 1986 và như vậy ông N không lấn chiếm đất quốc phòng và đủ điều kiện để được bồi thường về nhà và đất khi nhà nước thu hồi đất.

Tháng 11/2014, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P họp dân gửi thông báo giải tỏa giao đất cho BB271, kho K9, D60. Đến ngày 14/10/2015 lại họp dân để gửi mỗi gia đình một bản tổng hợp chi phí bồi thường, giá đất chỉ có 48.000 đồng/m, nhà chỉ tính 80% hoặc 30% giá trị nên ông N không đồng ý. Ông N yêu cầu giải quyết về giá bồi thường chứ không phải hỗ trợ 48.000 đồng/m vì ông N có đủ giấy tờ hợp pháp, không lấn chiếm, không vi phạm và ở ổn định 32 năm nay có hồ sơ kèm theo. Đúng theo khoản 2 Điều 75 của Luật Đất đai ông N được bồi thường theo đơn giá quy định.

Theo điểm a khoản 1 Điều 3 điều kiện được bồi thường của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Khu đất gia đình ông N đang sinh sống có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ và đã xây dựng trước ngày 01/7/2004, ông N được bồi thường 100% chứ không phải hỗ trợ 80%.

Theo Báo cáo công tác quản lý sử dụng đất của Trung đoàn 271 số 229/BC- TD9 ngày 15/3/2019 Thanh tra tỉnh Bình Dương đã xác định khu đất gia đình ông N đang sinh sống không nằm trong khu vực đất quốc phòng nhưng các cơ quan, ban ngành chưa giải quyết cho gia đình ông N thỏa đáng.

Nay, Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng đã ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N. Vì vậy, ông N khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên hủy Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P.

**Tại Công văn số 1205/UBND-NC ngày 28/9/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P do ông Đoàn Văn Đồng đã điện trình bày:*

1. Kết quả giải quyết khiếu nại, khiếu kiện:

Ngày 09/12/2015, UBND huyện P ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng. Đồng thời, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định.

Ngày 29/11/2018, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 173/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu).

Ngày 23/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2735/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N và công nhận Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 05/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về những vấn đề sau: Yêu cầu hủy Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần đầu). Yêu

cầu hủy Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Xuân N (lần hai).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N về việc nâng giá bồi thường về đất theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 266/2021/HC-ST ngày 11/5/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Xuân N; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Quá trình ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất:

Ngày 12/6/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P phối hợp cùng UBND thị trấn P và Ủy ban mặt trận tổ quốc UBMTTQVN thị trấn P đã tiến hành vận động thuyết phục nhưng ông Đào Xuân N không chấp hành Quyết định thu hồi đất.

Ngày 25/9/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P có Công văn số 511/CV-TTPTQĐ về việc đề nghị tham mưu ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của ông Đào Xuân N.

Ngày 03/6/2022, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tiến hành vận động nhưng ông Đào Xuân N và bà Phạm Thị X không chấp hành Quyết định thu hồi đất.

Ngày 03/10/2022, Đoàn vận động (theo Quyết định số 85/QĐ-UBND) tiến hành vận động nhưng bà Phạm Thị X không chấp hành Quyết định thu hồi đất.

Ngày 25/11/2022, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tiến hành vận động nhưng bà Phạm Thị X và ông Đào Duy T vẫn không chấp hành Quyết định thu hồi đất.

Ngày 16/11/2022, Chủ tịch Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng.

Ngày 30/12/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 22/3/2023, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ban hành Thông báo số 02/TB-BTHCC về việc thực hiện cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Trung đoàn B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Thời gian bắt đầu từ 08 giờ ngày 28/3/2023.

Ngày 27/3/2023, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất ghi nhận gia đình ông Đào Xuân N đang tháo dỡ nhà cửa trước thời gian cưỡng chế, đồng thời ông Đào Xuân N và bà Phạm Thị X đồng ý cho lực lượng nhân công làm thuê tiến

hành hỗ trợ tháo dỡ nhà cửa và cưa cắt cây trồng. Do đó, Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất không tiến hành cưỡng chế đối với gia đình ông Đào Xuân N.

3. Ý kiến của người bị khởi kiện:

Tại khoản 6 Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định:

“6. Người có đất thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại thì vẫn phải tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có kết luận việc thu hồi đất là trái pháp luật thì phải dừng cưỡng chế nếu việc cưỡng chế chưa hoàn thành; hủy bỏ quyết định thu hồi đất đã ban hành và bồi thường thiệt hại do quyết định thu hồi đất gây ra (nếu có).

Đối với trường hợp việc thu hồi đất có liên quan đến quyền và lợi ích của tổ. chức, cá nhân khác trong việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật khác có liên quan thì Nhà nước tiến hành thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất theo quy định mà không phải chờ cho đến khi giải quyết xong quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng đất giữa người có đất thu hồi và tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật có liên quan”.

Từ những nội dung và căn cứ pháp lý nêu trên, việc ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2003;

Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N đối với Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu hủy Quyết định số 343/QĐ- UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thực hiện

Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 08/12/2023, người khởi kiện ông Đào Xuân N có đơn kháng cáo với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm và xem xét lại về nguồn gốc đất của gia đình ông, nếu không lần chiếm thì phải được bồi thường theo quy định; đồng thời đề nghị xem xét lại tính hợp pháp của thủ tục thu hồi, cưỡng chế phần đất có liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày lý do phần đất trong vụ án này đã được ông khai hoang từ năm 1986, nằm ngoài vành đai khu căn cứ của chế độ cũ, đã kinh doanh ổn định nhiều năm, thực hiện nghĩa vụ thuế và không bị xử phạt; đây là nơi sinh sống duy nhất của gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tổ tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Đào Xuân N yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng. Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Diện tích đất gia đình ông Đào Xuân N bị thu hồi là 536,1m², thuộc một phần thửa đất số 01, 137 tờ bản đồ số 35, 36 tọa lạc tại khu phố G, thị trấn P, huyện P. Theo ông N trình bày là đất do ông khai phá vào năm 1986 đã được Hội đồng xét cấp GCNQSD đất của xã P xác nhận ngày 10/10/2001 đã kê khai đăng ký đối với diện tích 1.989m². Tuy nhiên, theo các Biên bản xác minh của Thanh tra huyện P (ngày 24/10/2018) và Thanh tra tỉnh Bình Dương (ngày 23/01/2019, 21/3/2019 và 28/3/2019) xác định: *“diện tích đất mà ông N khai phá năm 1986 có nguồn gốc đất quân sự của chế độ cũ được UBND tỉnh S (nay là Bình Dương) giao cho Lữ đoàn 477 tiếp quản. Sau đó Sư đoàn D yêu cầu người dân tự giải tỏa trả đất. Tuy nhiên, gia đình ông N và một số hộ dân khác đến lấn chiếm, sử dụng đến nay”*.

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ.UB ngày 12/3/1982 của UBND tỉnh S, Quân đoàn 4 tiếp quản đất có nguồn gốc là căn cứ quân sự chế độ cũ với tổng diện tích 153ha và quản lý sử dụng đến năm 1982 thì giao lại cho Lữ đoàn 477 làm nơi huấn luyện. Đến ngày 18/11/1991 Lữ đoàn 477 giao lại cho Trung đoàn 721, Kho 9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng. Do quá trình tiếp quản và sử dụng đất thiếu chặt chẽ đã để nhiều hộ dân lấn chiếm và UBND xã P đã có nhiều văn bản báo cáo cho UBND huyện P và UBND tỉnh B để xin ý kiến về công tác quản lý đất (Báo cáo số 05 ngày 27/3/2006; số 144 ngày 28/12/2007; số 50 ngày 21/4/2009; UBND huyện P có Báo cáo số 07 ngày 27/01/2011).

Do vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc đất nêu trên là đất quốc phòng do ông N lấn chiếm.

Đối với quyết định hành chính bị khiếu kiện, là quyết định cưỡng chế do hộ ông N không chấp hành quyết định thu hồi đất, bồi thường và tái định cư. Xét quá trình ban hành Quyết định thu hồi đất có liên quan đến diện tích 536,1m² gia đình ông N sử dụng là từ Thông báo thu hồi đất số 208 ngày 24/11/2014 của UBND huyện P để thực hiện công trình giao đất cho Trung đoàn 271 Bộ Tư lệnh Quân khu 7 trên cơ sở Quyết định thu hồi đất số 3033 ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh B đối với diện tích 1.902.344m² đất của Trung đoàn 271 quản lý giao cho UBND huyện P quản lý với nội dung: *“UBND huyện P có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.577m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao cho Trung đoàn B sử dụng vào mục đích quốc phòng theo chỉ đạo của Bộ Q tại Công văn 1875/BQP-TU ngày 08/4/2010 và Công văn số 514/BQP-TU ngày 27/02/2012”*. UBND huyện P đã tiến hành các thủ tục tiếp theo về thu hồi, kiểm đếm và ban hành phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. (Thể hiện qua các Quyết định 110 ngày 16/3/2015 phê duyệt dự án do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P làm chủ đầu tư; Quyết định 896 ngày 09/12/2015 về thu hồi đất và Thông báo về bồi thường, hỗ trợ tái định cư). Ông N đã từng khởi kiện các quyết định này và được giải quyết bởi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đều bị bác yêu cầu về việc hủy các quyết định hành chính về giá đất đối với quyết định trên qua các bản án Hành chính sơ thẩm số 43/2020/HCST ngày 05/11/2020 và bản án Hành chính phúc thẩm số 266/202/HC-PT ngày 11/5/2021. Như vậy, có căn cứ xác định UBND huyện P

đã thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường và bố trí tái định cư cho hộ ông N đúng quy định, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đối với các quyết định hành chính có liên quan theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Tố tụng hành chính.

Do hộ ông N không chấp hành các quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư dù đã được Tòa án hai cấp xem xét giải quyết nên đến ngày 16/11/2022, Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND cưỡng chế thực hiện. Ban Cưỡng chế đã thực hiện công tác vận động, thuyết phục và gia đình ông N đã chấp hành quyết định cưỡng chế, tự nguyện tháo dỡ di dời trả lại đất vào ngày 27/3/2023. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện P là phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ông N nêu lý do khởi kiện đối với Quyết định số 343/QĐ-UBND là không đồng ý với giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng vấn đề này đã được giải quyết bởi hai bản án nêu trên nên việc ban hành quyết định cưỡng chế đối với ông là đúng. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo:

Ông Đoàn Xuân N1 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do đất của ông nằm ngoài vành đai khu căn cứ của chế độ cũ, được UBND huyện Đ và P cho thuê và kinh doanh trên khu đất này và hàng năm đều đóng thuế đất ở đô thị, không bị nhắc nhở hoặc lập biên bản về việc sử dụng đất quốc phòng nên giá đất bồi thường là không thỏa đáng, gia đình không có chỗ ở nào khác phải đi ở thuê.... Tuy nhiên, như đã phân tích, nguồn gốc đất ông N1 khiếu nại đã được xác định bởi kết quả xác minh của Thanh tra huyện P và Thanh tra tỉnh Bình Dương, các xác minh chỉ ra đây là đất thuộc quốc phòng bị các hộ dân lấn chiếm do cơ quan được giao tiếp quản không quản lý chặt chẽ nên không được bồi thường theo đơn giá 100%. Do ông không chấp hành quyết định thu hồi đất nên bị cưỡng chế là có cơ sở. Ngoài ra, ở giai đoạn xét xử phúc thẩm ông N1 không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Như phân tích trên, quá trình tiến hành tố tụng và kết quả giải quyết của cấp sơ thẩm là đúng quy định nên Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông N1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đào Xuân N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Điểm d khoản 3 Điều 69, Điều 71 Luật Đất đai năm 2003;

Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Xuân N đối với Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu hủy Quyết định số 343/QĐ- UBND ngày 16/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng.

Ông Đào Xuân N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- ĐS (2);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ